

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: *2179*/SNN-KN

V/v góp ý Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về Chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày *18* tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và đầu tư;
- Sở Tài Chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tư pháp;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông
- UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa.

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành Chương trình công tác năm 2019; Công văn số 50/UBND-NN, ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc tham mưu Quyết định thay thế Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND, ngày 05/7/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành quy định chính sách về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*Có Dự thảo kèm theo*).

Thực hiện theo quy định tại điều 129 và khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật năm 2015. Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa và các đơn vị liên quan nghiên cứu góp ý và có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT thông qua Trung tâm Khuyến nông (*Địa chỉ: Tổ 03, phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông*) trước ngày 01/10/2019 để hoàn thiện dự thảo, trình Sở Tư pháp thẩm định.

Đề nghị Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông phối hợp đăng tải bản dự thảo Quyết định lên Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông, để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân theo quy định.

Rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Chi cục PTNT (góp ý lần 2);
- Chi cục PTNN (góp ý lần 2);
- Chi cục Thủy lợi (góp ý lần 2);
- Lưu VT, TTKN.

GIÁM ĐỐC

th
Lê Trọng Yên

Số: /2019/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: /TTr-SNN ngày / /2019 về việc ban hành quy định về chính sách khuyến nông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, VP: QH, CTN, CP;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp & PTNT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; Công TT điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Đắk Nông, Báo Đắk Nông, Đài PTTH Đắk Nông;
- Lưu: VT, KTTTC, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bốn

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND

ngày / /2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

DỰ THẢO

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp và ngành nghề nông thôn do tỉnh, huyện, thị xã quản lý.

Các nội dung và mức chi khác hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông, không có quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp:

- Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống tổ chức khuyến nông Nhà nước chuyên trách do cấp có thẩm quyền thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

- Tổ chức, cá nhân khác bao gồm: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước có tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp:

- Nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông tỉnh và chuyển giao công nghệ nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý, thực hiện. Ngân sách cấp huyện, thị xã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông huyện, xã, phường, thị trấn và chuyển giao công nghệ nông nghiệp do UBND cấp huyện, cấp xã, phường, thị trấn quản lý, thực hiện.

2. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên UBND cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác, lồng ghép với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của khuyến nông.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, thị xã quản lý và tổ chức thực hiện tại địa phương phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của từng vùng theo chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, thị xã phê duyệt. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực do Chủ tịch UBND tỉnh xác định.

2. Chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông thực hiện theo dự toán được giao hàng năm, thông qua xét chọn, hoặc đấu thầu cạnh tranh theo quy định của Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước quy định; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung chi hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo định mức cụ thể như sau:

a) Chi hỗ trợ cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ (Quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 1 của Quy định này).

- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu.

- Hỗ trợ tiền ăn: Đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh và các huyện, thị xã tối đa không quá: 150.000 đồng/ngày thực học/người và tổ chức tại xã, phường, thị trấn (không phân biệt địa điểm tổ chức) tối đa không quá: 100.000 đồng/ngày thực học/người.

- Chỗ ở: Tùy theo địa điểm tổ chức mà đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên, mức chi không quá: 350.000 đồng/ngày/người.

- Hỗ trợ tiền đi lại: Đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn đào tạo tổ chức tại tỉnh và các huyện, thị xã có người học xa nơi cư trú từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) hỗ trợ

tin), trình UBND huyện, thị xã (đối với ngân sách cấp huyện, thị xã) phê duyệt để thực hiện.

2. Diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông, hội thảo, tổng kết khuyến nông

a) Nội dung chi: Chi thuê hội trường; tài liệu, vật tư, hóa chất, mẫu vật, tiêu bản; tiền nước uống, ban chủ tọa, ban cố vấn, báo cáo viên; bồi dưỡng viết báo cáo, xe đi tham quan mô hình; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn, hội thảo.

b) Mức chi:

- Bồi dưỡng chủ tọa, chủ trì: 1.000.000 đồng/diễn đàn, hội thảo.
- Thư ký diễn đàn, hội thảo: 500.000 đồng/diễn đàn, hội thảo.
- Bồi dưỡng ban cố vấn, báo cáo viên: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Chi tiền đi lại, tiền ngủ cho ban chủ tọa, ban tổ chức, ban cố vấn, báo cáo viên, khách mời dự diễn đàn: Thực hiện theo Mục a, Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

- Tiền ăn cho nông dân tối đa: 100.000 đồng/người/diễn đàn, hội thảo.
- Tiền nước uống, giải khát giữa giờ tối đa : 20.000 đồng/người/buổi.
- Tiền thuê xe, hội trường, trang trí, tài liệu, văn phòng phẩm, kiểm tra, nghiệm thu, chi khác (nếu có): Theo thực tế và chế độ hiện hành.

3. Chi hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam

Hỗ trợ 100% các khoản chi quy định tại Điều 6 của Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

4. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông

a) Nội dung chi:

Chi thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, phương tiện, dẫn chương trình, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo, chi hội đồng tư vấn khoa học; soạn câu hỏi và đáp án, quy chế và thể lệ hội thi; chi khai mạc, bế mạc; hóa chất, mẫu vật, vật tư, dụng cụ, đồ dùng phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình thi; chi hỗ trợ đội tuyển tập luyện và dự thi; chi khác theo chế độ quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Mức hỗ trợ, mức chi cụ thể:

- Chi tiền công tác phí, đi lại, ăn, ngủ, nước uống: Thực hiện theo Quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh.

- Chi cho những nội dung còn lại: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm

tiền đi lại theo giá giao thông công cộng, hoặc tự túc phương tiện thanh toán tối đa không quá không quá: 150.000 đồng/người/khóa học.

b) Chi hỗ trợ cho đối tượng chuyển giao công nghệ (Quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1 của Quy định này).

- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu.

- Chi cho giảng viên, báo cáo viên:

+ Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, chi phí cho việc đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh.

+ Mức chi bồi dưỡng cho giảng viên, báo cáo viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (đã bao gồm cả việc soạn tài liệu, bài giảng) theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh; tùy theo đối tượng, trình độ học viên mà các cơ sở đào tạo bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp.

c) Chi phí phục vụ lớp học:

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; thuê phương tiện, hội trường, trang trí khánh tiết, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành; thuê phục vụ, thuê địa điểm tham quan; thuê xe đưa đón giảng viên, học viên tham quan thực hành mức chi theo thực tế và quy định hiện hành.

- Tiền nước uống, giải khát giữa giờ cho giảng viên, học viên chi thực tế theo hóa đơn hợp pháp, nhưng tối đa không quá 20.000 đồng/người/buổi.

- Thuê địa điểm tham quan thực hành theo thực tế nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/lớp.

Điều 5. Thông tin tuyên truyền

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm), xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông và các hình thức thông tin tuyên truyền khuyến nông khác.

Đối tượng chuyển giao, đối tượng nhận chuyển giao công nghệ khi tham dự các sự kiện khuyến nông được hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở theo quy định hiện hành.

1. Truyền thông khuyến nông

Hàng năm, căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và nhu cầu về công tác thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình truyền thông khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, pano, áp phích, tài liệu khuyến nông (bao gồm tài liệu in ấn, băng hình) và các hình thức trực quan khác, trình Sở Nông nghiệp và PTNT (đối với ngân sách cấp

2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động tay nghề các cấp.

5. Chi ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 6. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Nội dung hoạt động

a) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành.

b) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

2. Phương thức thực hiện

a) Tổ chức lựa chọn địa điểm, đối tượng tham gia, cung cấp giống, vật tư thiết bị hỗ trợ và các nội dung cần thiết theo yêu cầu của mô hình.

b) Tổ chức trình diễn, giới thiệu tiến bộ kỹ thuật, công nghệ của mô hình.

c) Tổ chức đào tạo, hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.

d) Tổ chức tham quan, hội nghị, hội thảo đầu bờ để đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng của tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tại mô hình.

đ) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ ra diện rộng.

3. Ưu tiên xây dựng và nhân rộng các mô hình sau

a) Mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; mô hình sản xuất có chứng nhận; mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái.

b) Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

c) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

d) Mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại, bảo vệ môi trường.

đ) Mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

e) Các mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

4. Chính sách xây dựng và nhân rộng mô hình

a) Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai dịch hại theo công bố của cấp có thẩm quyền,

được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; ở địa bàn còn lại được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

- Đối với các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn áp dụng Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Chính sách nhân rộng mô hình:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

Điều 7. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung hoạt động

a) Chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

c) Dịch vụ chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

d) Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

đ) Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y.

e) Tư vấn và dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, nhu cầu của người sản xuất và năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến nông.

2. Phương thức thực hiện

a) Tư vấn trực tiếp.

b) Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông.

c) Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm.

d) Tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng.

3. Mức chi:

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và theo thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 8. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông

1. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án khuyến nông: Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông, áp dụng theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi đi học tập kinh nghiệm trong nước

a) Phải được cấp có thẩm quyền giao dự toán kinh phí và đồng ý về chủ trương cho đi học tập kinh nghiệm.

b) Mức chi cụ thể:

- Tiền ăn, ngủ: Đơn vị tổ chức bố trí ăn, ngủ theo mức chi tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tiền thuê xe, thuê địa điểm thăm quan, chi khác: Theo thực tế và chế độ hiện hành.

4. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán ngân sách giao hằng năm.

5. Kinh phí chi quản lý các chương trình khuyến nông

Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông: Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách giao theo định mức (tự chủ) và ngoài định mức (đặc thù) hằng năm để tổ chức, triển khai xây dựng các mô hình, chương trình, dự án; phê duyệt, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện mô hình, chương trình, dự án thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, buru chính, điện nước; chi công tác phí, xăng, dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu mô hình khuyến nông, chi khác (nếu có). Được trích tối đa 3% từ nguồn kinh phí khuyến nông cho công tác quản lý chương trình, dự án khuyến nông.

Điều 9. Điều kiện ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện mô hình khuyến nông

1. Người sản xuất được hỗ trợ thực hiện mô hình

a) Có địa điểm, diện tích thực hiện mô hình phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình (có xác nhận của chính quyền địa phương).

b) Cam kết đầu tư vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của mô hình. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ mô hình.

c) Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung hỗ trợ của mô hình.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông

a) Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông.

b) Đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo đúng quy định.

Điều 10. Tổ chức thực hiện hoạt động khuyến nông địa phương

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh.

b) Phê duyệt kế hoạch khuyến nông của tỉnh và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

c) Quản lý nhà nước về khuyến nông cấp tỉnh và quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán chương trình, dự án chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

d) Thực hiện chương trình truyền thông khuyến nông trên phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Bản tin khuyến nông theo quy định.

đ) Xây dựng các mô hình, chương trình khuyến nông.

e) Căn cứ dự toán ngân sách giao, phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc thực hiện; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng và mức hỗ trợ tại Quy định này và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ khuyến nông không trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, được Sở Nông nghiệp và PTNT xét chọn hoặc trúng thầu thực hiện mô hình khuyến nông, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ dự toán đã được Sở Tài chính thẩm định, quyết định phân bổ cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở hoặc ký hợp đồng thực hiện.

f) Định kỳ 6 tháng, năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm để có cơ sở tham mưu nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

2. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã

a) Hằng năm, trên cơ sở dự toán của Ngành, địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện, thị xã (đối với ngân sách cấp huyện, thị xã) giao dự toán ngân sách cho hoạt động khuyến nông địa phương.

b) Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước thẩm tra phương án phân bổ dự toán ngân sách giao và thẩm tra hoặc kiểm tra quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông đúng quy định.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động khuyến nông đúng quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và quy định của Luật Công nghệ cao, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao phù hợp với địa phương.

4. UBND các huyện, thị xã

a) Căn cứ vào Quy định này và văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc liên quan xây dựng mô hình, chương trình hoạt động khuyến nông của huyện, thị xã, quản lý.

b) Hằng năm, căn cứ nhu cầu hoạt động khuyến nông và nguồn kinh phí thuộc ngân sách huyện, thị xã, phê duyệt nội dung, phương án, dự toán kinh phí và phương thức thực hiện hoạt động khuyến nông để đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc liên quan thực hiện việc lập, chấp hành, quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông theo văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, Quy định này và Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ.

d) Định kỳ 6 tháng, năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT (gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung).

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Căn cứ các quy định hiện hành về chế độ, định mức và Quy định này thực hiện kiểm soát chi đúng quy định.

6. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân

a) Thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp hàng năm theo dự toán được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành.

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp.

c) Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến nông được giao về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp cùng với cơ quan khuyến nông các cấp, theo dõi, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh lý việc thực hiện mô hình khuyến nông trên địa bàn quản lý. Trong trường hợp mô hình không đạt kết quả do nguyên nhân chủ quan, phối hợp với các cơ

quan chức năng tiến hành kiểm tra xác định nguyên nhân, quy trách nhiệm và phối hợp với các bên liên quan thu hồi kinh phí đầu tư theo quy định tại hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các bên liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bốn